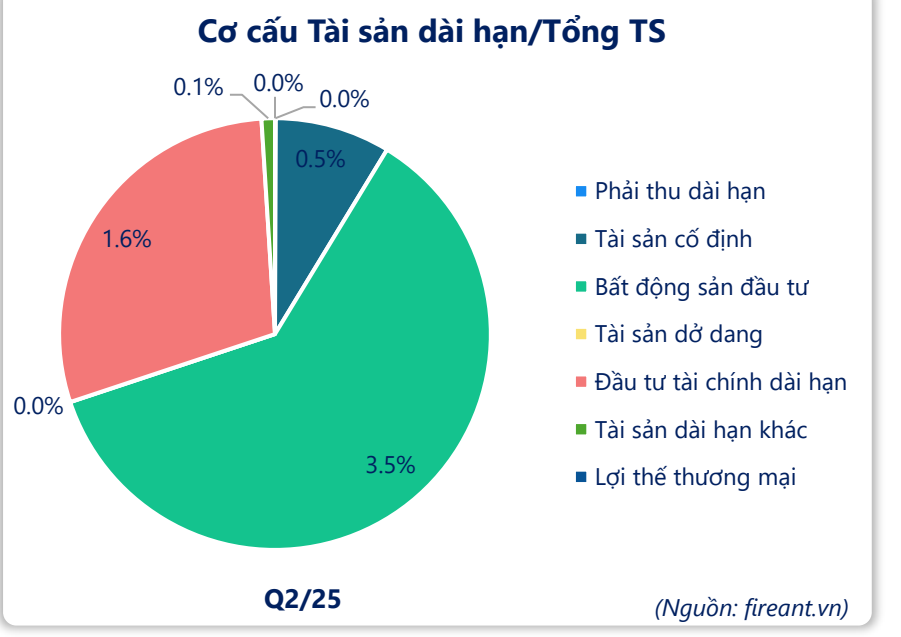
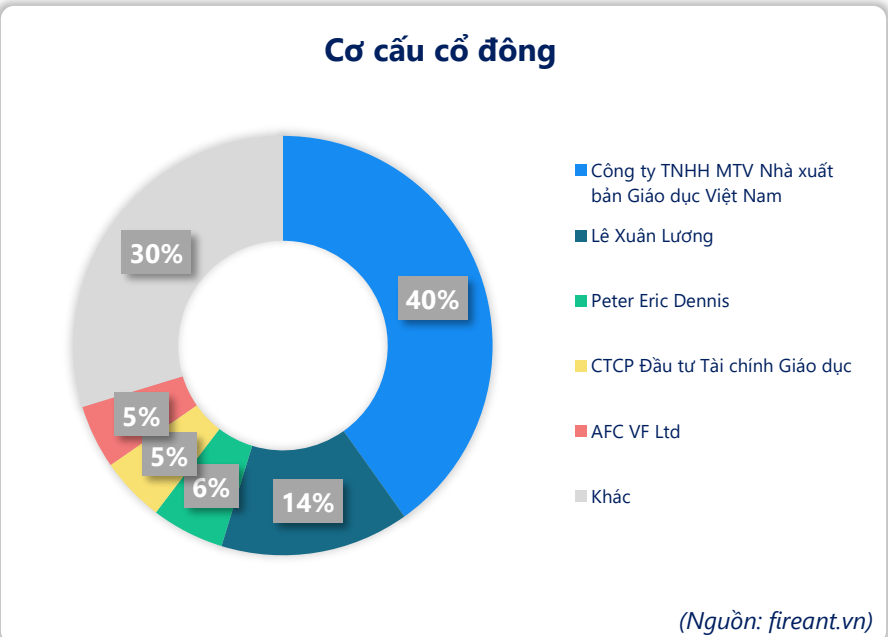
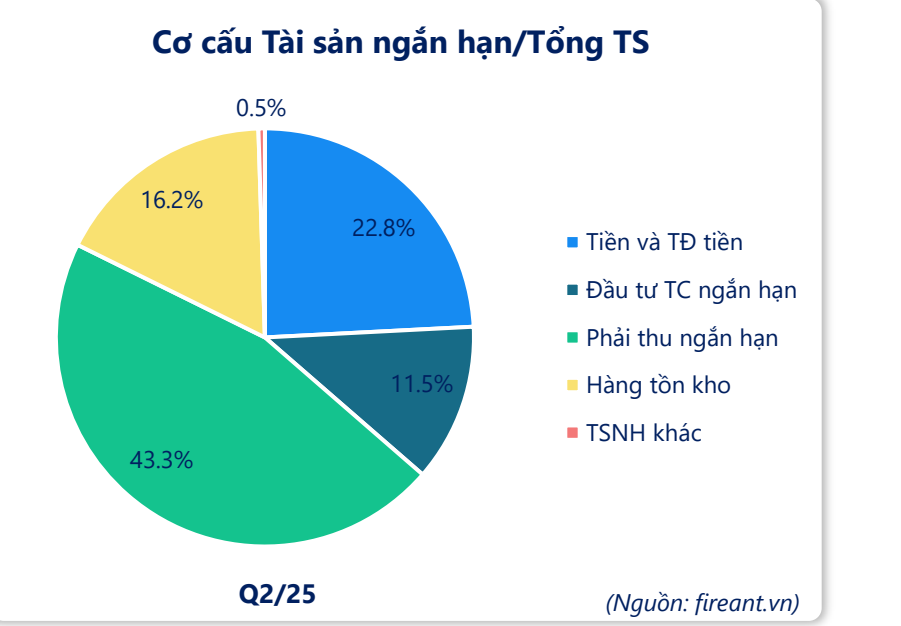
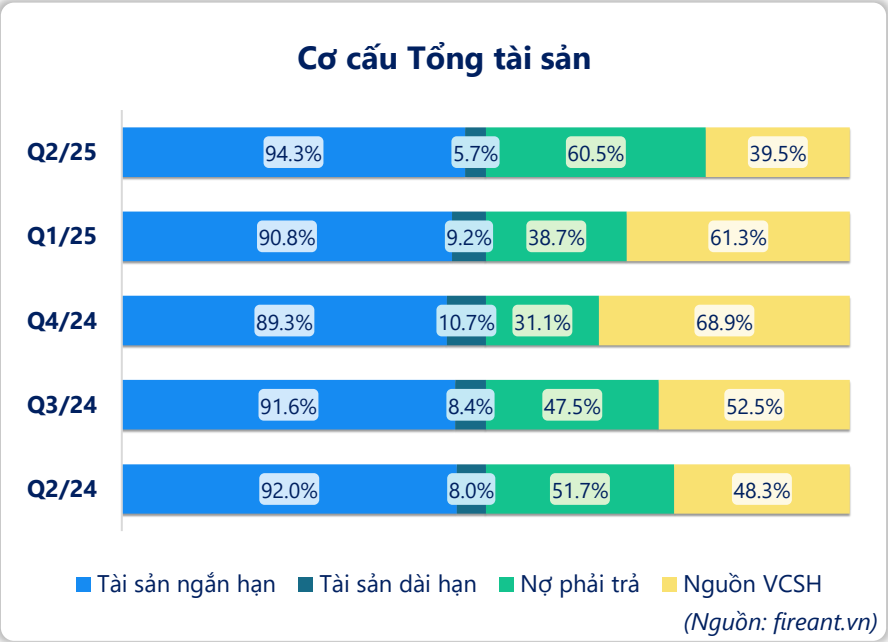
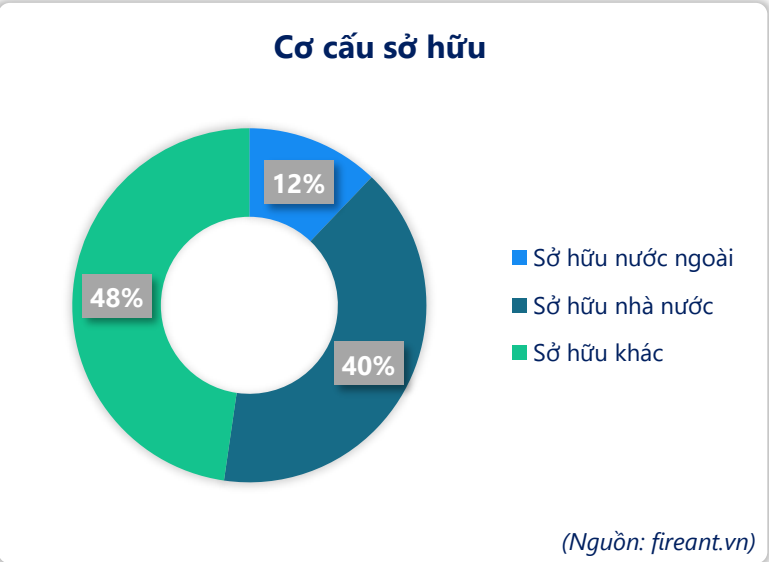
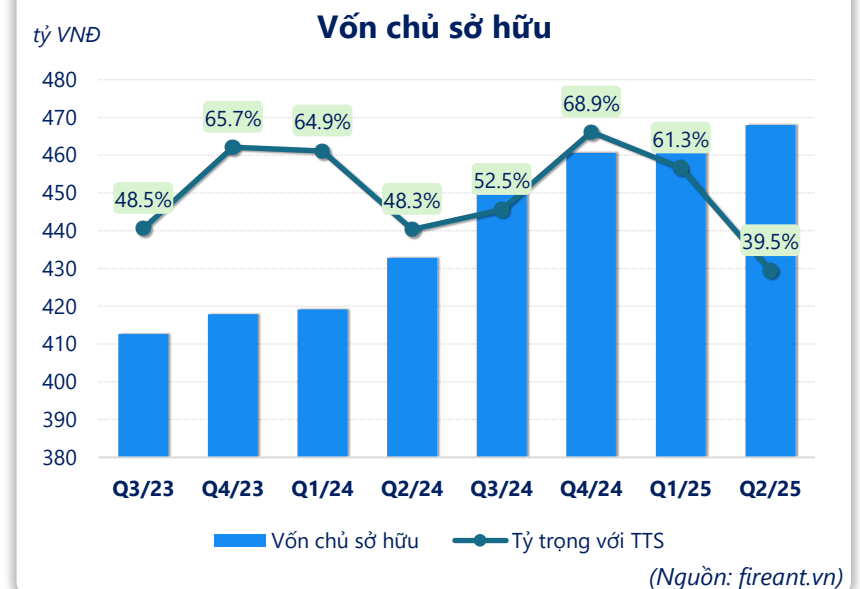
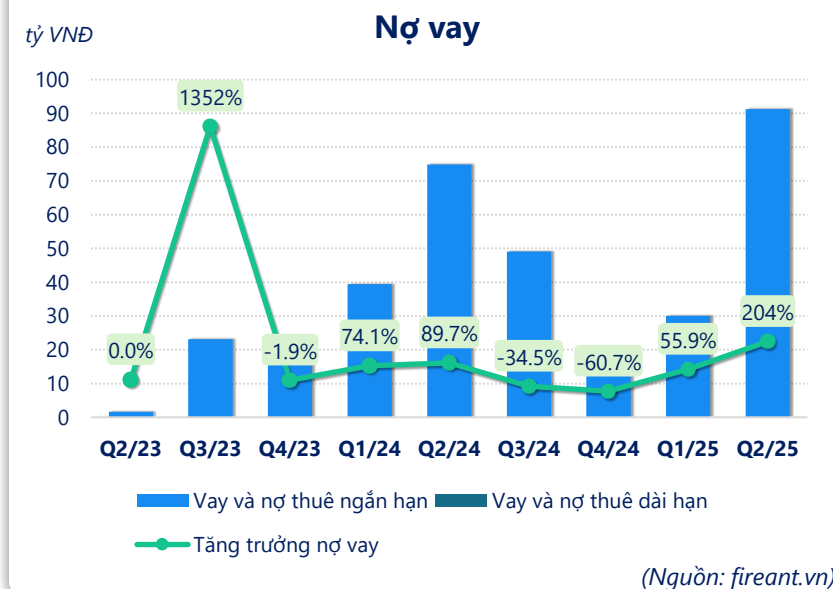
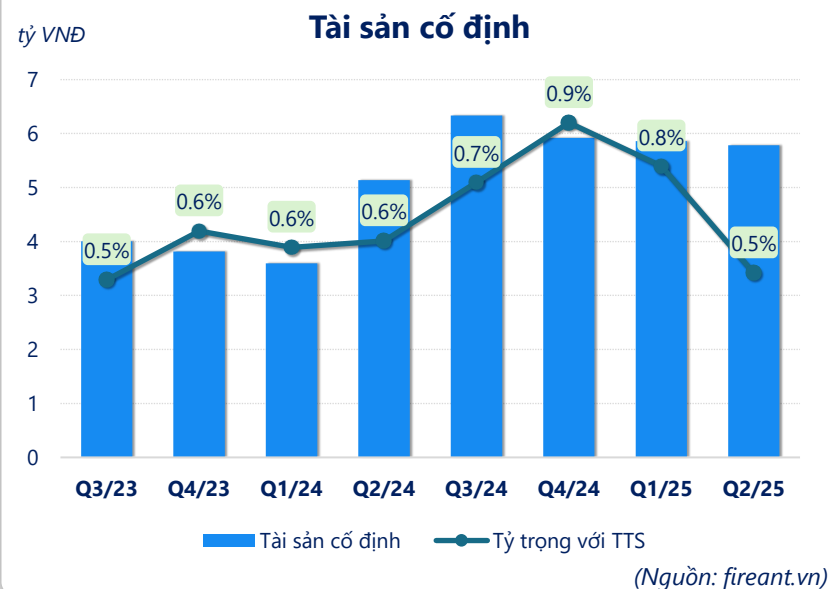
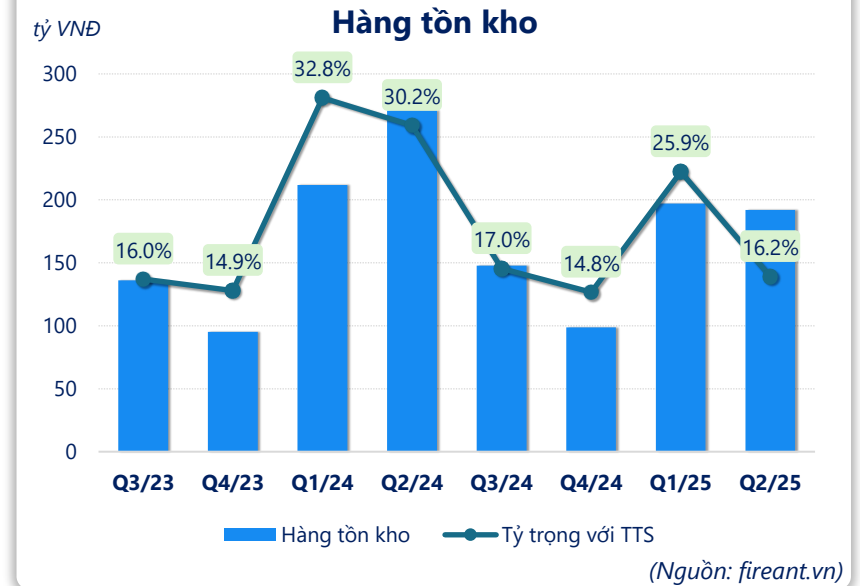
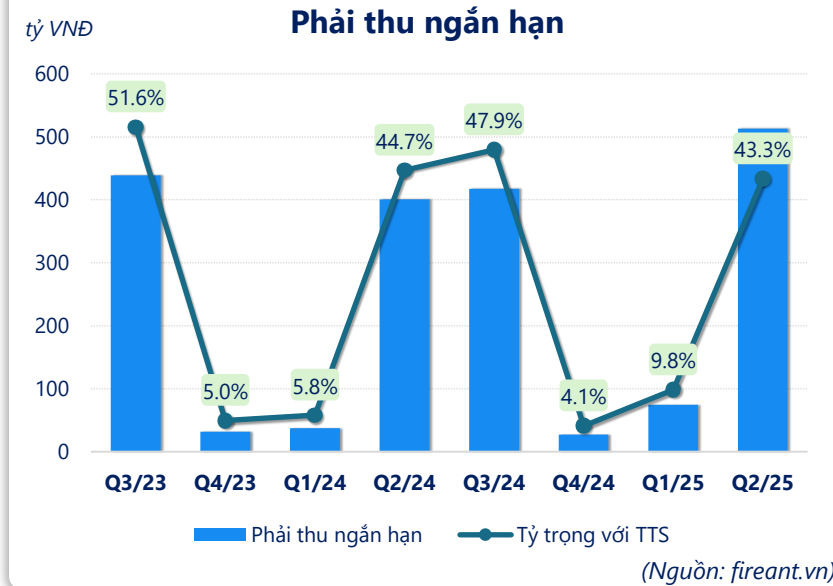
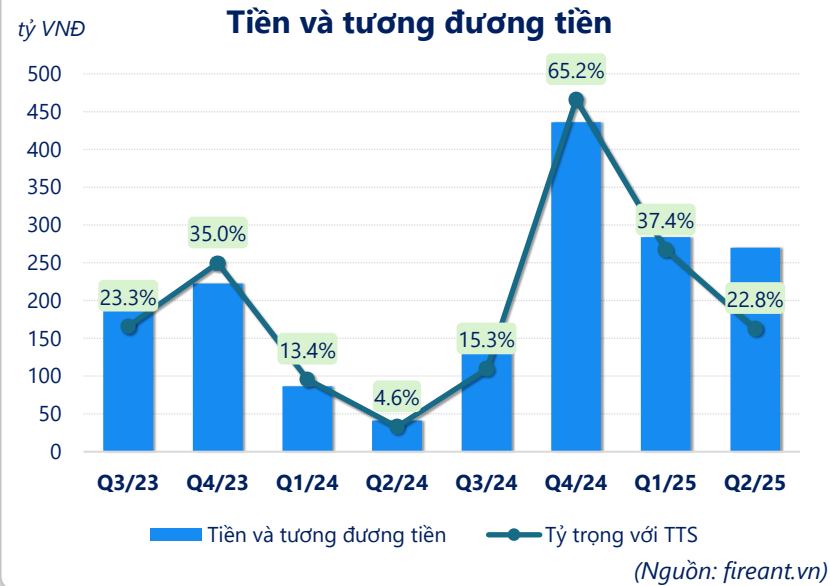
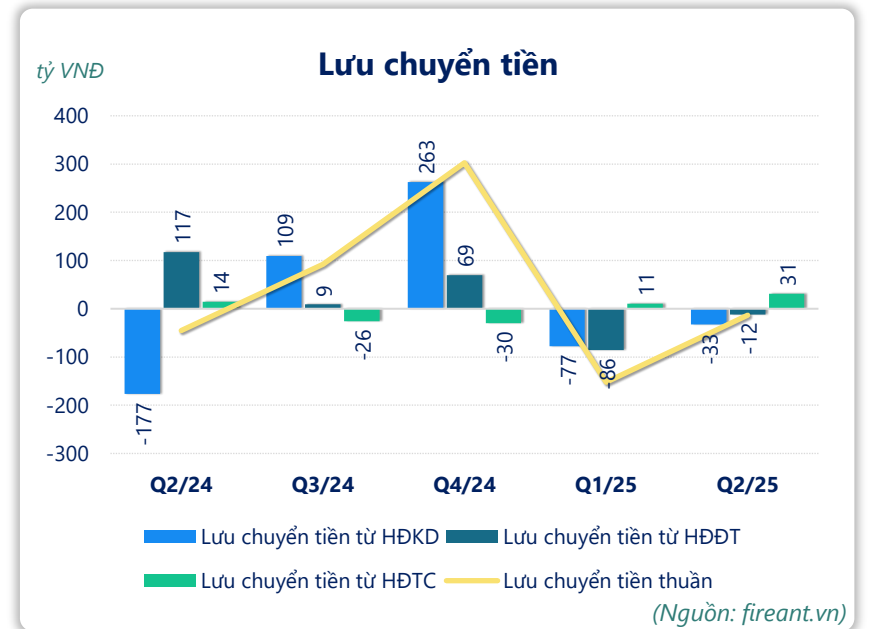
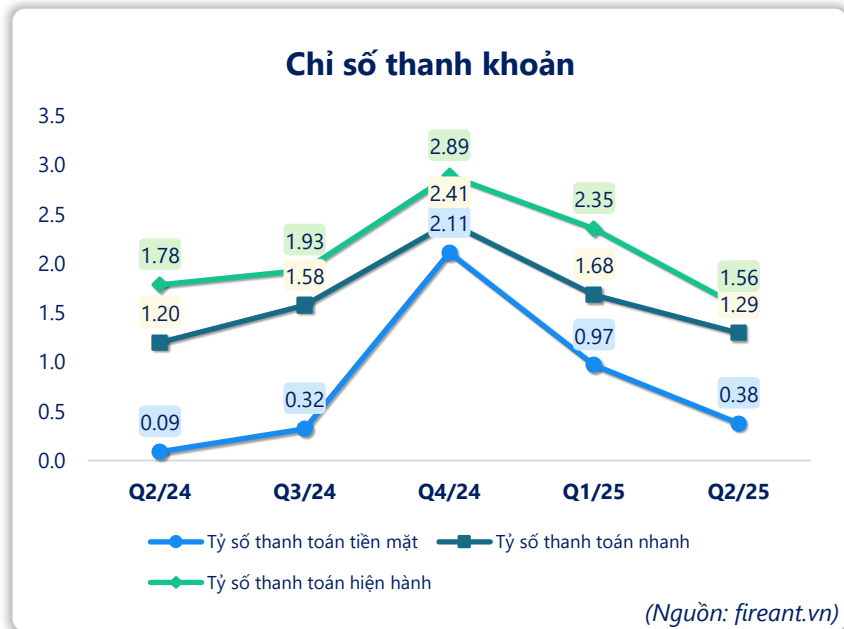
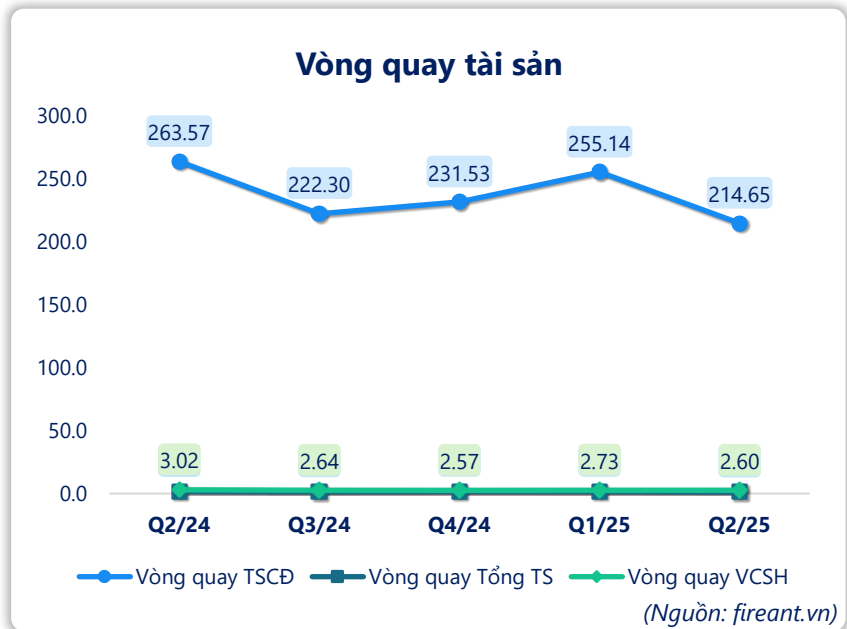
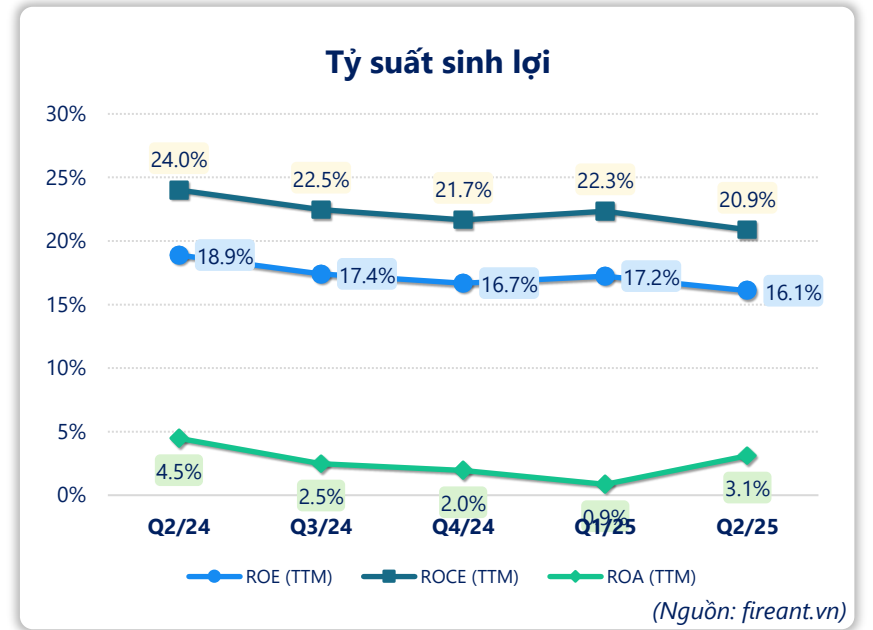
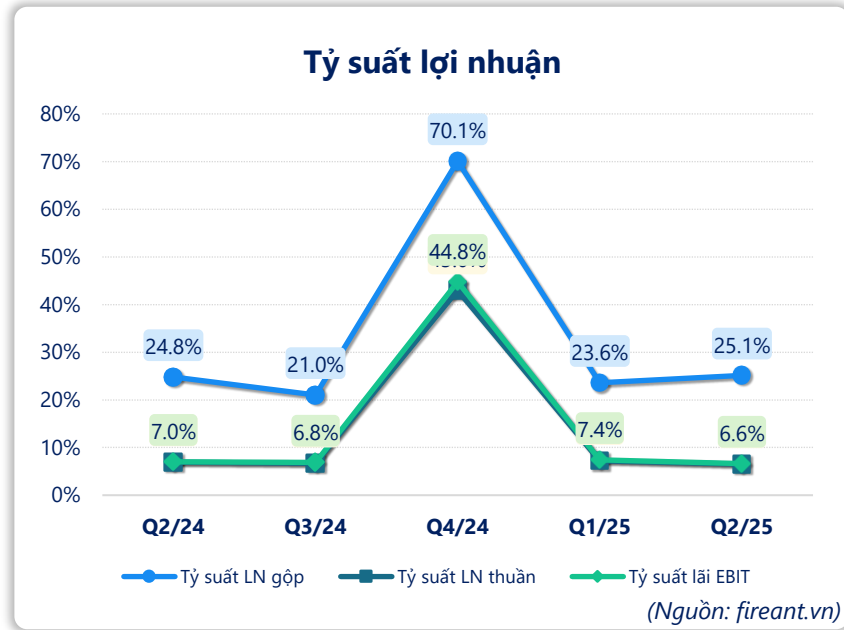
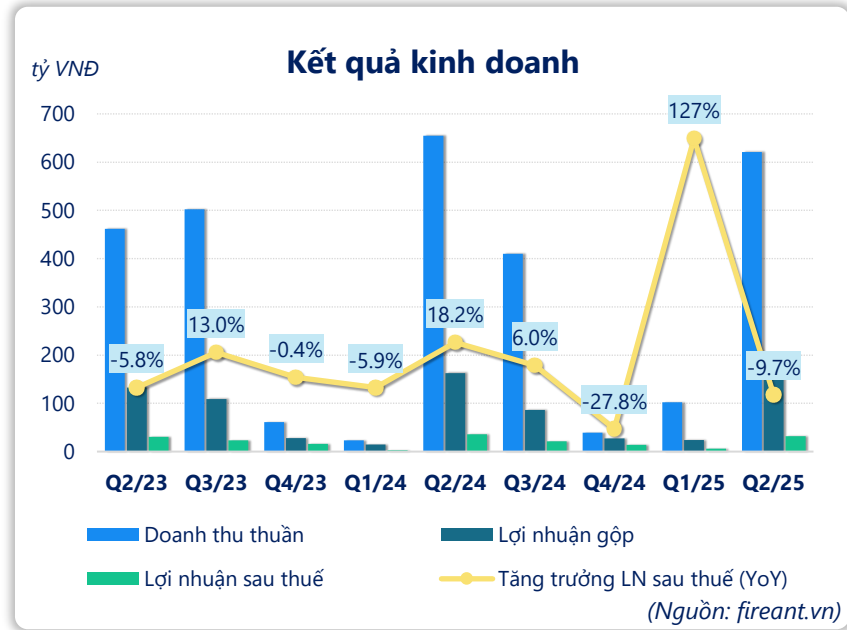


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,705
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,718
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,060
% sở hữu nước ngoài		12.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		384
P/E		5.3
EPS		4,831

	YTD	1T	3T	6T
EID	3.0%	0.8%	-1.4%	4.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,184	668	77.1%
Tài sản ngắn hạn	1,117	597	87.0%
Tiền và tương đương tiền	270	436	-38.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	136	30.2	351%
Phải thu ngắn hạn	513	27.4	1772%
Hàng tồn kho	192	98.7	94.4%
Tài sản ngắn hạn khác	5.59	4.94	13.1%
Tài sản dài hạn	67.0	71.2	-5.9%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	5.78	5.92	-2.4%
Bất động sản đầu tư	41.0	42.7	-4.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	19.5	21.1	-7.6%
Tài sản dài hạn khác	0.67	1.38	-51.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	716	208	244%
Nợ ngắn hạn	715	207	246%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	91.2	19.3	373%
Phải trả người bán ngắn hạn	411	32.4	1166%
Nợ dài hạn	1.25	1.30	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	468	461	1.6%
Vốn chủ sở hữu	468	461	1.6%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	655	410	39.3	102	621
Giá vốn hàng bán	492	324	11.8	78.1	465
Lợi nhuận gộp	162	86.2	27.5	24.1	156
Doanh thu HĐTC	4.93	9.04	5.52	1.64	7.91
Chi phí TC	6.88	1.02	0.62	0.22	3.04
Chi phí lãi vay	0.62	0.91	0.47	0.22	0.71
LN trong công ty LKLD	-0.58	0.86	-0.25	0.24	-1.84
Chi phí bán hàng	80.6	40.7	-14.2	8.81	84.6
Chi phí QLDN	33.8	27.1	29.6	9.60	34.0
LN thuần từ HĐKD	45.3	27.3	16.9	7.35	40.4
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.16	0.23	0.00	0.00
LN trước thuế	45.3	27.1	17.1	7.35	40.4
Lợi nhuận sau thuế	36.0	21.0	14.0	5.80	32.1
LNST của CĐ cty mẹ	36.1	21.4	12.7	6.02	32.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-177	109	263	-77.5	-32.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	117	8.87	69.5	-85.5	-12.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.3	-25.8	-29.8	10.8	31.2
Tiền đầu kỳ	86.8	41.3	133	436	284
Lưu chuyển tiền thuần	-45.4	92.1	303	-152	-13.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	41.3	133	436	284	270

(Nguồn: fireant.vn)